

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HĐ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 29/12/2022.

V/v xin ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Thành Thái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị **Huỳnh Mộng T**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp MT, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Anh **Đặng Duy Th**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MB, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Mộng T và anh Đặng Duy Th đi đến hôn nhân là do hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau; anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/6/2011. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng chỉ được vài năm thì chị và anh Th phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh Th bất đồng quan điểm sống nên chị và anh Th thường xuyên cự cãi nhau, hiện chị và anh Th đã sống ly thân với nhau cho đến nay đã được 06 năm. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th là không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Duy Th.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa chị và anh Th có 01 con chung tên Đặng Thị Bích Th, sinh năm 2011. Hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Vì vậy, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác nhận quá trình chung sống chị và anh Th không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* *Bị đơn anh Đặng Duy Th*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Th đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* *Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu*:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Tuy nhiên, phía bị đơn anh Đặng Duy Th đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Mộng T được ly hôn với anh Đặng Duy Th;

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Bích Th, sinh năm 2011 cho chị Huỳnh Mộng T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Huỳnh Mộng T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Duy Th, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, mà bị đơn anh Đặng Duy Th có nơi cư trú tại ấp MB, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đặng Duy Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Huỳnh Mộng T và anh Đặng Duy Th xác lập quan hệ hôn nhân vào

năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ML, huyện HD, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Th; Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị T và anh Th có phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau; hiện tại chị T và anh Th đã sống ly thân với nhau được hơn 06 năm nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị T và anh Th không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị T đoàn tụ gia đình nhưng chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh Th. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Th nhiều lần nhưng anh Th vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh Th cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Điều này chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Mộng T được ly hôn với anh Đặng Duy Th.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị T khai rằng giữa chị và anh Thép có 01 người con chung tên Đặng Thị Bích Th, sinh năm 2011. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chị T và anh Th sống ly thân với nhau thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th; chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th phát triển bình thường. Đồng thời tại bản tự khai đề ngày 28/11/2022 của cháu Th thể hiện thì cháu Th có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ, khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu Th, nhằm giúp cháu Th phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định giữa chị và anh Th không tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tại phiên tòa là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Huỳnh Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Mộng T được ly hôn với anh Đặng Duy Th.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Đặng Thị Bích Th, sinh năm 2011 cho chị Huỳnh Mộng T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị T nuôi con, anh Th được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về quan tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Mộng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008136, ngày 19/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T không phải nộp thêm, anh Th không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Hùnh thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện HD;
- THA huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**